

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

ĐỐI THOẠI VÀ ĐỘC THOẠI TRONG TÁC PHẨM *THE OLD MAN AND THE SEA* (ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CÁ) CỦA ERNEST HEMINGWAY HÁN THỊ BÍCH NGỌC*

TÓM TẮT: Bài viết tìm hiểu về ngôn ngữ nhân vật trong tác phẩm *The Old Man and the Sea* (Bản dịch tiếng Việt - *Ông Già Và Biển Cá*) của tác giả Ernest Hemingway ở hai khía cạnh đối thoại và độc thoại. Đối thoại trong tiểu thuyết tuy không nhiều nhưng đã gián tiếp thể hiện được tính cách, nội tâm nhân vật cũng như khái quát nhiều triết lý cuộc sống. Song song với đó, tác giả còn xây dựng nhiều độc thoại nhằm mục đích truyền tải thông tin cũng như nhấn mạnh tâm lý nhân vật. Đối thoại và độc thoại trong *The Old Man and the Sea* là những minh chứng cho phong cách viết văn tối giản và độc đáo của Ernest Hemingway, đúng như nguyên lý Tầng băng trôi nổi tiếng trong những sáng tác của ông.

TỪ KHOÁ: ngôn ngữ nhân vật; Ernest Hemingway; đối thoại; độc thoại; tâm lý nhân vật.

NHẬN BÀI: 01/02/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/03/2023

1. Đặt vấn đề

Ernest Hemingway (1899-1961) là nhà văn hiện đại có vị trí quan trọng trong văn học Mỹ và văn học thế giới. Ông được coi là một trong những nhà văn có tầm ảnh hưởng lớn nhất của thế kỷ XX, được trao giải Nobel Văn học danh giá vào năm 1954. Là một nhà báo chiến trường hoạt động trong cả hai cuộc chiến tranh thế giới, đề tài quen thuộc trong những trang văn của ông là lòng dũng cảm, sức chịu đựng của những người anh hùng khi đối mặt với khó khăn nghịch cảnh. Hemingway nổi tiếng với phong cách tự sự độc đáo và đặc biệt là nguyên lý Tầng băng trôi (Iceberg Theory), đề cao sự kiệm lời và tính hàm súc trong văn bản. Các tác phẩm của Ernest Hemingway đã được dịch và biết đến rộng rãi ở Việt Nam, trong đó phải kể đến tiểu thuyết ngắn "*The Old Man and the Sea*" (bản dịch tiếng Việt "*Ông Già Và Biển Cá*"). Đây là kiệt tác đã giúp Hemingway giành giải thưởng Pulitzer danh giá năm 1953 và Nobel Văn học năm 1954. Nội dung câu chuyện xoay quanh cuộc vật lộn dữ dội trên biển giữa người đánh cá già đã 84 ngày chưa bắt được cá và một con cá kiếm khổng lồ. Mặc dù đã chiến thắng con cá kiếm, trên đường trở về, ông lão tiếp tục phải chiến đấu với bầy cá mập hung hãn để bảo vệ thành quả của mình. Cuộc chiến đấu giữa người đàn ông đơn độc và thiên nhiên dường như không cân sức và cuối cùng, tất cả những gì ông lão có thể mang được vào bờ chỉ còn là một bộ xương tro tơi. Chỉ với hơn 100 trang sách (khoảng 27.000 từ), câu chuyện được kể rất cô đọng, ngắn gọn nhưng mang lại nhiều thông điệp sâu sắc về nội dung cũng như những nét đặc sắc về ngôn ngữ kể chuyện. Ngôn ngữ trần thuật trong "*The Old Man and the Sea*" là mối quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung làm rõ các đặc điểm ngôn ngữ nhân vật trong tác phẩm này trên hai phương diện đối thoại và độc thoại.

2. Nội dung

2.1. Ngôn ngữ trần thuật và ngôn ngữ nhân vật

G. Genette cho rằng, tất cả những hành động mang tính sáng chế ra văn bản kể đều có thể được coi là trần thuật. Trần thuật chính là hành động kể được thực hiện bởi người trần thuật/ người kể chuyện bằng phương thức sử dụng ngôn ngữ. Đối với một tác phẩm, điều quan trọng là nó được viết như thế nào, bằng hình thức ngôn ngữ gì, các loại câu như thế nào để câu chuyện hiện ra trước mắt người đọc [Genette, G. and Lewin, J. and Jonathan, D. , 1980]. Ngôn ngữ trần thuật được hiểu là "một phương diện cơ bản của phương thức tự sự đồng thời là việc giới thiệu, khái quát, thuyết

* Trường Đại học Thương mại, Hà Nội; Email: ngochan251@gmail.com

minh, miêu tả đối với nhân vật, sự kiện, hoàn cảnh, sự vật theo cách nhìn của một người trần thuật nhất định [Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên), 2000, tr.307]. Việc phân chia các yếu tố của ngôn ngữ trần thuật có thể tiếp cận từ nhiều góc nhìn khác nhau như Ngôn ngữ học, Văn học hay là Tự sự học, tuy nhiên các nhà nghiên cứu thường tập trung vào các phạm trù ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật.

Ngôn ngữ người kể chuyện là “phần lời văn thể hiện quan điểm người kể chuyện đối với cuộc sống được miêu tả, có những nguyên tắc thống nhất trong việc sử dụng phương tiện tạo hình và biểu tượng ngôn ngữ” [Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên), 2000, tr.212], ngôn ngữ người kể chuyện có liên hệ mật thiết với điểm nhìn trong các tác phẩm tự sự. Từ điển thuật ngữ Văn học cũng định nghĩa ngôn ngữ nhân vật là “lời nói của các nhân vật trong các tác phẩm thuộc loại hình tự sự và kịch” [Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên), 2000, tr.214]. Nhà văn thường sử dụng ngôn ngữ nhân vật, cụ thể là đối thoại và độc thoại, như một phương tiện quan trọng để thể hiện cuộc sống và cá tính nhân vật. Đối thoại có thể được hiểu là hình thức đối đáp trò chuyện giữa hai hoặc nhiều nhân vật trong tác phẩm. Khi đối thoại xuất hiện cũng là lúc người kể chuyện nhường lại vai trò trần thuật của mình cho các nhân vật, cũng chính vì vậy nhà nghiên cứu Nguyễn Thái Hòa đã cho rằng đối thoại chính là hình thức kể bằng lời nhân vật [Nguyễn Thái Hoà, 2000]. Cuộc thoại bao gồm toàn bộ sự tương tác qua lại giữa người nói và người nghe kết hợp với sự luân phiên lượt lời và thay đổi vai trò trong suốt quá trình giao tiếp. Những phát ngôn không có lời hồi đáp thì không được xem là đối thoại [Tzvetan Todorov, Đào Ngọc Chương dịch 2004]. Độc thoại là lời của một người nào đó nói với chính mình hoặc nói với một ai đó trong tưởng tượng [Nguyễn Thái Hoà, 2000]. Độc thoại cũng rất đa dạng, nhiều hình nhiều vẻ, khi nhân vật có thể nói với người khác hoặc tự nói với chính mình. Tựu chung lại, độc thoại đã trở thành một biện pháp nghệ thuật chủ yếu thể hiện tâm lí nhân vật. Do đó, hình thức diễn đạt thường thấy của độc thoại thường là các câu nói rành mạch, hoặc câu hỏi, khi nhân vật đang tự vấn chính mình, nhiều từ cảm thán thể hiện sự xúc động hoặc những cảm xúc mới được khám phá của nhân vật [Tzvetan Todorov, Đặng Anh Đào, Lê Hồng Sâm dịch, 2004]. Trong bài viết này, chúng tôi áp dụng các cách hiểu trên để phân tích đối thoại và độc thoại trong nguyên tác tiếng Anh “*The Old Man and the Sea*” của Ernest Hemingway, bản dịch tiếng Việt của một số trích đoạn cũng được chúng tôi cung cấp với mục đích để người đọc hiểu rõ hơn về nội dung câu chuyện.

2.2. Đối thoại trong *The Old Man and the Sea*

Trong 10 chương sách (khoảng 27.000 từ) của “*The Old Man and the Sea*” chỉ có 7 đoạn đối thoại được thống kê dưới đây:

STT	Tình huống giao tiếp	Nhân vật
1	Mở đầu chuyện, khi cậu bé và ông lão leo lên bờ.	Ông lão - Cậu bé
2	Khi hai người vào lều của ông lão	Ông lão - Cậu bé
3	Khi cậu bé quay trở lại lều gọi ông lão dậy	Ông lão - Cậu bé
4	Khi cậu bé và ông lão tạm biệt nhau	Ông lão - Cậu bé
Ông lão ra biển tìm “con cá lớn”		
5	Sau khi ông lão đã trở về và đang ngủ	Cậu bé - Những người đánh cá khác
6	Khi ông lão thức giấc	Ông lão - Cậu bé
7	Những du khách ngạc nhiên về bộ xương khổng lồ	Đoàn du khách - Người bồi bàn

Mạch chuyện có thể được chia thành hai phần được ngăn cách với nhau bởi sự kiện ông lão ra biển để tìm “con cá lớn” sau chuỗi 84 ngày chưa bắt được cá. Số lượng đối thoại quan trọng tập

trung ở phần đầu, trước khi ông lão ra biển và chỉ diễn ra giữa hai nhân vật: Ông lão Santiago và cậu bé Manolin. Mở đầu câu chuyện, người dẫn truyện chỉ xuất hiện chớp nhoáng và cho người đọc những thông tin vô cùng vắn tắt:

He was an old man who fished alone in the skiff in the Gulf Stream and he had gone eighty-four day now without taking a fish. (Lão đã già, một mình một thuyền câu cá trên dòng Nhiệt lưu và đã tám mươi tư ngày qua lão không bắt được lấy một con cá nào).

Tất cả những gì được cung cấp về nhân vật ông lão là các từ “old”, “alone” và “eighty-four day now without taking a fish”. Sau đó, người kể chuyện dường như vắng bóng hoàn toàn, những thông tin khác chỉ được hé lộ thông qua lời thoại của các nhân vật. Dưới đây là một số câu thoại của nhân vật cậu bé:

<i>“I could go with you again. We’ve made some money.”</i>	Cháu có thể lại đi cùng ông. Chúng ta đã có ít tiền rồi.
<i>“It was papa made me leave. I am a boy and I must obey him.”</i>	Tại cha cháu bắt làm như thế. Cháu còn nhỏ, cháu phải nghe lời cha.
<i>“There are many good fishermen and some great ones. But there is only you.”</i>	Có rất nhiều người đánh cá giỏi và vài người vĩ đại. Nhưng ông là người duy nhất.

Qua những câu thoại trên, người đọc có thể thấy được đây là một cậu bé ngoan cũng như sự yêu mến và ủng hộ của cậu bé với người đánh cá già. Sau bốn mươi ngày đầu tiên không câu được cá, cha cậu bé đã buộc cậu phải đi theo thuyền khác vì cho rằng ông lão đánh cá già giờ chỉ là một vận đen. Chuỗi ngày thất bại quá dài đã củng cố thêm cho niềm tin đó ở cha mẹ cậu bé cũng như những ngư dân khác trong vùng. “*Họ ngồi ở Terrace và rất nhiều người đánh cá trên ông lão nhưng lão không giện. Một số khác, những ngư dân lớn tuổi hơn, nhìn lão và cảm thấy buồn.*”. Tuy nhiên, với cậu bé, ông lão vẫn là người đặc biệt và duy nhất, ngay cả khi tất cả những người đánh cá khác nhìn ông lão với ánh mắt thương hại thì cậu bé vẫn tin rằng ông lão nhất định sẽ câu được con cá lớn vào một ngày không xa. Giữa không khí ảm đạm phần đầu truyện thì chính những câu thoại giữa cậu bé và người đánh cá già lại nhen nhóm cho người đọc những tia hi vọng. Những câu thoại của nhân vật ông lão cũng ảm áp và tràn đầy niềm tin. Ví dụ:

<i>“I know you did not leave me because you doubted.”</i>	Ông biết cháu đã không rời bỏ ông vì cháu nghi ngờ.
<i>“If you were my boy I’d take you out and gamble,” he said. “But you are your father’s and your mother’s and you are in a lucky boat.”</i>	Nếu cháu là con ta thì ta sẽ đưa cháu đi câu may một phen”, lão nói. “Nhưng cháu là con của cha mẹ cháu và cháu đang đi trên con thuyền may mắn.
<i>“Tomorrow is going to be a good day with this current”</i>	Với con nước này, mai sẽ là một ngày tốt lành.
<i>“Eighty-five is a lucky number”</i>	85 là con số may mắn.

Ông lão là người đầu tiên đã dạy nghề đánh cá cho cậu. Tình cảm mà ông lão dành cho cậu bé có lẽ không chỉ đơn thuần là tình thầy - trò mà gần bó như giữa cha và con. Cấu trúc câu điều kiện “*If you were my boy*” không chỉ nói đến một giả định không có thực mà còn thể hiện điều mong ước sâu kín của người đánh cá già, cấu trúc này được lặp lại rất nhiều lần trong phần sau của tác phẩm. Ngoài ra, những lời thoại của nhân vật ông lão với các tính từ “good”, “lucky” cũng toát lên một tinh thần lạc quan, bất khuất trái ngược với những miêu tả về một ngư dân già, đã nhiều ngày trôi qua không bắt được cá từ phần đầu truyện.

Thông qua các hội thoại, Hemingway không chỉ hé lộ cho người đọc về tình cảnh, tính cách các nhân vật, mà còn khái quát rất nhiều quan điểm, triết lý sống từ con mắt quan sát của một nhà văn từng trải. Dưới đây là đoạn hội thoại mà hai nhân vật bàn về “*faith*” (lòng tin). Ví dụ:

“ <i>He hasn’t much faith.</i> ” “ <i>No,</i> ” <i>the old man said. “But we have. Haven’t we?”</i> “ <i>Yes,</i> ” <i>the boy said.</i>	“Cha cháu chẳng có niềm tin đâu”. “Phải”, ông lão nói, “Nhưng chúng ta có, đúng không...” “Vâng”, thằng bé đáp).
--	--

Những lời trao đổi trên xoay quanh một khái niệm vô hình “*faith*” - danh từ “*faith*” trong tiếng Anh mang nghĩa là một niềm tin mạnh mẽ, khó lay chuyển, niềm tin bất rã từ tinh thần chứ không phải từ các bằng chứng thực tế. Cha cậu bé không cho phép cậu tiếp tục đi câu cùng ông lão vì cho rằng ông lão giờ đã thực sự là một thất bại. Cha cậu bé, cũng giống như những người đã nhạo báng ông ở quán rượu, đại diện cho những nhân vật mất niềm tin vào vẻ đẹp và sự trường tồn của cuộc sống. Tuy nhiên, qua ba câu hội thoại này, người đọc lại thấy rõ rằng niềm tin vẫn còn bền bỉ trong ông lão già nua, và ông đang truyền lại niềm tin đó cho cậu học trò của mình. Hội thoại trên rất quan trọng vì nó đã gián tiếp thể hiện quan điểm của nhân vật, họ luôn giữ niềm tin ngay cả khi hiện thực khắc nghiệt không được như mong muốn. Ở một đoạn hội thoại khác, Hemingway cũng khéo léo vẽ nên một nhân vật tuy không còn ở độ tuổi trẻ trung, sung sức nhưng vẫn tràn đầy khát khao với cuộc đời. Ví dụ:

“ <i>You’re my alarm clock,</i> ” <i>the boy said.</i> “ <i>Age is my alarm clock,</i> ” <i>the old man said. “Why do old men wake so early? Is it to have one longer day?”</i> “ <i>I don’t know,</i> ” <i>the boy said. “All I know is that young boys sleep late and hard.”</i>	“Ông là cái đồng hồ báo thức của cháu”, thằng bé nói. “Tuổi tác là đồng hồ của ông”, ông lão nói. “Tại sao người già lại thức giấc quá sớm... Phải chăng là muốn có một ngày dài hơn...” “Cháu không biết”, thằng bé nói. “Những gì cháu biết là người trẻ thì ngủ dậy muộn và say”.
--	--

Khác với sự phung phí thời gian của những người trẻ, người đánh cá già luôn khao khát có nhiều thời gian hơn để sống mỗi ngày. Người đọc có ấn tượng với nhân vật ông lão về sự bền bỉ, lòng khát khao cuộc sống, nhưng cũng không tránh khỏi sự thương xót, ái ngại cho nhân vật này bởi ở độ tuổi đáng lẽ đã được nghỉ ngơi thì lão còn quá nhiều tiếc nuối cho những điều chưa làm được. Không ai biết nhân vật ông lão đánh cá trong truyện bao nhiêu tuổi, nhưng đều có một cảm nhận chung rằng lão đã già và dường như đang ở bên dốc bên kia của cuộc đời. Lão sống một cuộc đời lặng lẽ, cô độc không người thân và không thành tựu. Người dẫn truyện không hề tiết lộ thông tin gì về nhân vật như tên, tuổi, hoàn cảnh sống nhưng nếu đọc kĩ, người đọc sẽ lấy được các thông tin đó qua hội thoại..

Một đặc điểm rất dễ nhận thấy trong hội thoại của Hemingway là có rất nhiều câu thoại bị lược bỏ lời dẫn thoại, người đọc đôi khi phải rất khó khăn để phân định được nhân vật nào đang nói. Đối thoại trong tác phẩm “*The Old Man and the Sea*” không chỉ ngắn về nội dung mà còn bị lược bỏ lời thuyết minh của thoại. Người dẫn truyện chỉ làm một việc là tường thuật lại chính xác những gì nhân vật nói với những thông tin ngày càng thu hẹp dần để lại rất nhiều khoảng trống cho người đọc tự xâu chuỗi và cảm nhận. Theo thống kê của chúng tôi, ngoài những câu thoại bị lược bỏ lời dẫn, động từ dẫn xuất hiện với tần suất nhiều nhất là “*say*” (nói) và tần suất ít hơn là “*ask*” (hỏi), *agree* (đồng ý), *tell* (nói). Đây là các động từ dẫn đơn giản và không mang nhiều sắc thái ý nghĩa. Người đọc không hề được người kể chuyện gợi ý xem người nói vui hay buồn, ngậm ngùi hay hân hoan khi nói những điều đó. Về đặc điểm câu thoại, tác giả sử dụng chủ yếu là câu đơn và câu trực tiếp, với ngôn

ngữ dễ hiểu, tần suất sử dụng danh từ và động từ áp đảo so với nhóm từ miêu tả là tính từ và trạng từ. Tuy nhiên, những hội thoại của Hemingway lại mang rất nhiều sức nặng tình cảm và gợi xúc cảm trong lòng người đọc. Với văn phong độc đáo này, Hemingway xứng đáng là “bậc thầy của hội thoại” bởi những hội thoại trong truyện của ông “là cách mà các nhân vật thực sự nói chuyện” (*This is the way that these characters would really talk.*) [Anthony, B., 1978, tr.71].

2.3. Độc thoại trong *The Old Man and the Sea*

So với đối thoại, độc thoại dường như chiếm ưu thế trong tác phẩm khi độc thoại kéo dài suốt 83 trên 111 trang văn bản, chủ yếu tập trung ở phần sau của câu chuyện khi ông lão ra khơi một mình. Nếu như ở phần đầu, Hemingway sử dụng đối thoại như một cách giới thiệu về tính cách, hoàn cảnh của nhân vật thì ở phần sau, độc thoại được sử dụng để tô đậm hơn những nét vẽ về người đánh cá dạn dày, khéo léo, luôn giữ trong mình niềm lạc quan và sự tôn trọng tuyệt đối với công việc. Độc thoại nội tâm thể hiện quan điểm của nhân vật về cuộc sống, nó hoàn toàn thoát khỏi sự ràng buộc của lời người kể chuyện nhưng cũng hoà lẫn vào lời người kể chuyện mà không hề có dẫn dắt hay chuyển ý. Ví dụ:

Only I have no luck any more. But who knows? Maybe today. Every day is a new day. It is better to be lucky. But I would rather be exact. Then when luck comes you are ready. (Duy chỉ mình không còn may mắn nữa thôi. Nhưng biết đâu được? Có thể hôm nay. Mỗi ngày là một ngày mới. Gặp may thì tốt hơn. Nhưng mình ưa sự chính xác. Để khi vận may đến thì mình đã sẵn sàng).

“*But who knows?*” là một câu hỏi hiểm hoi trong những độc thoại nội tâm (trong “*The Old Man and the Sea*”). Điều này chứng tỏ trước khi ra biển, nhân vật người đánh cá già cũng đã trải qua những lần tự vấn, những nghi hoặc về chính bản thân mình. Nhưng tất nhiên, ông lão chưa bao giờ thể hiện ra điều đó trong các hội thoại. Ngoài độc thoại nội tâm, Hemingway còn cho phép nhân vật tự nói to những suy nghĩ của mình.

“ <i>The bird is a great help,</i> ” <i>the old man said.</i> “ <i>Albacore,</i> ” <i>he said aloud. “He’ll make a beautiful bait. He’ll weigh ten pounds.”</i>	“Con chim được việc thật”, ông lão nói. “Cá thu”, lão nói lớn. “Nó sẽ là con mồi tuyệt hảo. Gần năm ki lô chứ chẳng chơi.”
--	---

Trong phần thứ hai của truyện khi người đánh cá một mình lên thuyền trên biển, hình thức độc thoại cho phép ông lão tự nói to suy nghĩ của mình được sử dụng triệt để như một hình thức “tường thuật” cho người đọc toàn bộ những diễn biến trong cuộc vật lộn giữa con người và thiên nhiên. Ở một khía cạnh khác, những lời thoại không người đáp này nhấn mạnh sự cô đơn của ông lão, không chỉ ở giữa biển khơi mà ngay ở trong cuộc sống hàng ngày. Ví dụ:

But now he said his thoughts aloud many times since there was no one that they could annoy. (Nhưng giờ thì lão đã nói rõ lớn ý nghĩ của mình hàng bao nhiêu lần bởi chẳng còn ai có thể nghe thấy để bực mình)

Với những chức năng trên, Hemingway cũng sử dụng các hiện tượng ngôn ngữ độc đáo trong các độc thoại của mình. Ngoài các câu đơn, các động từ dẫn thoại đơn âm tiết, hiện tượng lặp từ và lặp cấu trúc xuất hiện khá nhiều lần. Ví dụ:

“ <i>He’ll take it,</i> ” <i>the old man said aloud. “God help him to take it.”</i> <i>He did not take it though. He was gone and the old man felt nothing.</i> “ <i>He can’t have gone,</i> ” <i>he said. “Christ knows he can’t have gone. He’s making a turn.”</i> “ <i>It was only his turn,</i> ” <i>he said. “He’ll take it.”</i> “ <i>He’s taken it,</i> ”	“Nó sẽ cắn câu,” lão nói lớn. “Chúa sẽ khiến nó cắn câu.” Nhưng nó không cắn câu. Con cá đã bỏ đi và ông lão không thấy gì cả. “Nó không thể đi được,” lão nói. “Nó không thể đi, nó chỉ đang quay lại thôi.” “Nó chỉ đang quay lại thôi,” lão nói. “Nó sẽ cắn câu.” “Nó đã cắn câu rồi,”
---	---

Qua đoạn độc thoại trên, người đọc như đang được tham gia và hồi hộp theo từng cử động của con cá. Hemingway sử dụng các động từ mạnh, đơn âm tiết và được lặp lại nhiều lần nhằm nhấn mạnh, gợi cảm xúc về những hành động mạnh mẽ, dứt khoát. Có lẽ hiếm có nhà văn nào sử dụng các động từ đơn âm tiết nhiều và lặp lại như Hemingway. Không chỉ lặp từ, câu *"I wish I had the boy"* (Mình ước mình có thằng bé) cũng được lặp lại đến 6 lần trong những đoạn độc thoại của ông lão với các hình thức ngữ pháp tương đồng:

(1) <i>I wish I had the boy. The old man said aloud.</i>	(4) <i>Aloud he said, "I wish I had the boy."</i>
(2) <i>I wish I had the boy. To help me and to see this.</i>	(5) <i>I wish the boy were here and that I had some salt.</i>
(3) <i>I wish the boy were here. He said aloud.</i>	(6) <i>If the boy were here he would wet the coil.</i>

Người đánh cá già chưa bao giờ ngừng nghĩ đến cậu bé. Với cấu trúc điều kiện không có thực ở hiện tại được lặp đi lặp lại tới 6 lần, người đọc cảm nhận rõ mong ước thường trực, đau đáu của ông lão cũng như sự cô độc và bất lực của ông trong hoàn cảnh hiện tại. Ông lão cô đơn đến nỗi tìm bầu bạn trong thiên nhiên và thậm chí là cả đối thủ của mình. Trong tác phẩm còn có rất nhiều đoạn độc thoại khi ông lão nói chuyện với những chú chim, con cá kiếm, đàn cá mập, hoặc thậm chí là nói với cánh tay của mình.

<i>"Eat them, fish. Eat them. Please eat them."</i>	"Hãy ăn đi, cá à. Làm ơn hãy ăn đi."
<i>"Take a good rest, small bird," he said.</i>	"Hãy nghỉ ngơi đi, những chú chim nhỏ." ông lão nói.
<i>"Be patient, hand," he said. "I do this for you."</i>	"Hãy kiên nhẫn, tay à," ông lão nói. "Ta sẽ làm điều đó cho mày."

Với các cấu trúc câu đề nghị loại bỏ hoàn toàn chủ ngữ, chỉ giữ lại động từ chính trong câu, Hemingway đã giữ cho những câu văn của mình ngắn gọn hết mức có thể. Bằng việc loại bỏ hầu hết các chi tiết đã biết, tác giả tạo ra rất nhiều khoảng trống trong tác phẩm để người đọc tự xâu chuỗi và cảm nhận, đây cũng chính là một trong những đặc điểm tạo nên văn phong độc đáo với nguyên lí Tầng băng trôi nổi tiếng của ông. Ngoài ra, những độc thoại này còn cho thấy ông lão luôn coi thiên nhiên, các loài động vật và thậm chí con mồi là những người bạn của mình. Sau ba ngày vật lộn trên biển, con cá kiếm và ông lão đã trở thành những người bạn thân thiết. Sau trận chiến, ông lão cảm thấy thương xót và thậm chí còn ngưỡng mộ nó:

His determination to kill him never relaxed in his sorrow for him. How many people will he feed, he thought. But are they worthy to eat him? ("Quyết tâm giết con cá là một sự đau đớn không bao giờ nguôi trong ông. Nó sẽ đủ ăn cho bao nhiêu người, ông nghĩ. Liệu những người đó có xứng đáng không?").

Cái chết của con cá kiếm không lồ chính là chiến thắng vĩ đại nhất của Santiago và cũng là lời khẳng định cho niềm tự hào trong ông. Mặc dù thương xót cho con cá, nhưng Santiago cũng ý thức được rằng con cá kiếm sinh ra là một con cá, và ông là một ngư dân. Hai sinh vật dường như đã trở thành hai người anh em trong một hoàn cảnh hi hữu, nhưng không thể thoát khỏi vòng phân công tự nhiên của kẻ săn mồi và con mồi. Toàn bộ câu chuyện là những trận chiến dồn dập trên đại dương dữ dội, để rồi con người tưởng như nhỏ bé và đơn độc đã giành chiến thắng. Với những ranh giới mong manh giữa lời người kể chuyện và lời độc thoại nội tâm của nhân vật trong câu chuyện, hai đối tượng này dường như đã hoà làm một khi đưa ra một chân lí khái quát cho tư tưởng của toàn bộ tác phẩm.

But man is not made for defeat. A man can be destroyed but not defeated. (Nhưng con người sinh ra không phải để bị đánh bại. Con người có thể bị huỷ hoại nhưng sẽ không bao giờ bị đánh bại).

4. Kết luận

Với việc sử dụng đối thoại và độc thoại rất linh hoạt trong *The Old Man and the Sea*, Hemingway đã chứng minh mình thực sự là bậc thầy ngôn ngữ kể chuyện. Chỉ với khối lượng từ ngữ ít ỏi và rất nhiều khoảng trống được tạo ra để người đọc tự khám phá, nhà văn đã truyền đạt được những thông điệp sâu sắc về sự bền bỉ, niềm tự hào của con người cũng như mối tương quan giữa con người nhỏ bé và thiên nhiên bao la. Sự thành công trong việc xây dựng ngôn ngữ nhân vật cũng là một yếu tố tạo nên thành công của Ernest Hemingway không chỉ với “*The Old Man and the Sea*” mà còn với toàn bộ các sáng tác của ông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Thái Hoà (2000), *Những vấn đề thi pháp của truyện*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Trần Đình Sử chủ biên (2004), *Tự sự học, một số vấn đề lý luận và lịch sử*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Tzvetan Todorov, Đào Ngọc Chương dịch (2004), *Mikhail Bakhtin - Nguyên lý đối thoại*, Nxb Đại học Quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Tzvetan Todorov, Đặng Anh Đào, Lê Hồng Sâm dịch (2004), *Thi pháp văn xuôi*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Tiếng Anh

6. Genette, G. and Lewin, J. and Jonathan, D. (1980), *Narrative discourse: an essay in method*, Comparative Literature Journal, vol 32, 1980.
7. Anthony, B. (1978), *Ernest Hemingway and His World*, Charles Scribner's sons, New York.

Ngữ liệu nghiên cứu

1. Hemingway, E. (1994). *The old man and the sea*. Arrow Books.

Dialogues and monologues in *The Old Man and the sea* by Ernest Hemingway

Abstract: The article explores the language of characters in the novel *The Old Man and the sea* by Ernest Hemingway in two aspects of dialogue and monologue. Although the number of dialogues in the novel is not much, it has indirectly shown the qualities and inner world of the characters. At the same time, the author also built many monologues for the purpose of conveying information as well as emphasizing the character's psychology. Dialogues and monologues in *The Old Man and the sea* are examples of Ernest Hemingway's minimalist and unique writing style, which is true to the famous Iceberg principle in his works.

Key words: characters' language; Ernest Hemingway; dialogues; monologues; character's psychology.